

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302095576 thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là: 249.492.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Quốc Đạt

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được lập ngày 11/3/2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Đàm Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		140.319.183.484	48.654.098.492
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.390.607.914	38.142.736.788
1. Tiền	111		5.185.048.668	3.934.600.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.205.559.246	34.208.136.680
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	80.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.858.435.038	10.412.012.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.394.237.320	8.535.915.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.132.976.410	857.459.391
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	754.457.577	1.018.638.062
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.423.236.269)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	70.140.532	99.348.958
1. Hàng tồn kho	141		70.140.532	99.348.958
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.252.317.087.871	1.461.232.677.666
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	9.570.048
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	9.570.048
II Tài sản cố định	220		1.175.905.150.008	1.273.623.581.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.175.905.150.008	1.273.623.581.729
- Nguyên giá	222		2.556.209.978.281	2.556.794.978.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.380.304.828.273)	(1.283.171.396.552)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.382.999.831	166.947.986.005
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	45.382.999.831	166.947.986.005
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		31.028.938.032	20.651.539.884
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.10	31.028.938.032	20.651.539.884
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270 = 100+200)	270		1.392.636.271.355	1.509.886.776.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		910.221.541.568	1.063.175.016.609
I- Nợ ngắn hạn	310		67.534.800.214	189.087.617.625
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.834.219.942	6.145.067.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.160.000	5.386.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	15.367.756.578	16.073.997.999
4. Phải trả người lao động	314		1.595.712.419	1.688.051.307
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		255.434.000	255.434.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.499.310.752	26.707.158.805
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	135.805.985.323
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	45.073.245.770	1.785.597.400
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		899.960.753	620.939.732
II- Nợ dài hạn	330		842.686.741.354	874.087.398.984
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	587.180.216.383	627.180.216.383
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.14	255.506.524.971	246.907.182.601
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		482.414.729.787	446.711.759.549
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	482.414.729.787	446.711.759.549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.336.271.588	32.633.301.350
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		11.015.475.887	2.300.319.253
- LNST chưa phân phối kì này	421b		57.320.795.701	30.332.982.097
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.392.636.271.355	1.509.886.776.158

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	440.346.839.733	423.245.486.933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	440.346.839.733	423.245.486.933
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	250.826.288.914	233.882.974.135
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		189.520.550.819	189.362.512.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.923.600.636	707.604.193
7. Chi phí tài chính	22	6.4	77.278.422.391	77.831.256.437
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		77.278.422.391	77.831.256.437
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	36.840.042.146	36.933.009.670
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.633.884.122	6.406.990.401
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		71.691.802.796	68.898.860.483
11. Thu nhập khác	31	6.7	382.844.558	350.767.137
12. Chi phí khác	32	6.7	124.297.896	13.400.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		258.546.662	337.367.137
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		71.950.349.458	69.236.227.620
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	25.006.951.905	24.909.913.369
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(10.377.398.148)	(10.955.867.846)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		57.320.795.701	55.282.182.097
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.298	2.149

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc




Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.950.349.458	69.236.227.620
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		97.700.818.818	90.967.927.545
- Các khoản dự phòng	03		53.310.227.009	54.779.339.228
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.179.186.386)	(813.912.193)
- Chi phí lãi vay	06		77.278.422.391	77.831.256.437
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		297.060.631.290	292.000.838.637
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.860.088.513)	(1.000.747.196)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		29.208.426	2.257.289.510
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.618.284.011)	(10.856.778.632)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.278.422.391)	(77.831.256.437)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.373.018.922)	(11.847.017.508)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.379.444.442)	(3.005.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		181.580.581.437	189.716.678.374
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(13.887.034.917)	(14.060.029.540)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		137.600.803.463	106.308.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(78.915.463.020)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.839.063.656	707.604.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46.637.369.182	(13.246.117.347)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(175.805.985.323)	(113.377.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.164.094.170)	(44.909.040.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(220.970.079.493)	(158.286.040.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.247.871.126	18.184.520.757
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.142.736.788	19.958.216.031
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	45.390.607.914	38.142.736.788

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024
Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020 là 249.492.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng*)

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 168 người (tại ngày 31/12/2022 là 190 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư các dự án BOT giao thông và Xây dựng công trình

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003, Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (*Giai đoạn 2*) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHD-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá về thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (*Giai đoạn 3*), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2023 là:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI	560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - phường Bình Hưng Hòa B - quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc được khấu hao trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí. Do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Suong - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 – Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý thu phí được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ trong năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực kinh doanh là thu cước đường bộ và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	345.234.071	1.256.095.607
Tiền gửi ngân hàng	4.839.814.597	2.678.504.501
Các khoản tương đương tiền (i)	40.205.559.246	34.208.136.680
Tổng	45.390.607.914	38.142.736.788

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,4%/năm tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai (i)	80.000.000.000	-
Tổng	80.000.000.000	-

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 4,9%/năm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV và xây dựng Thiên Vũ	4.856.467.024	4.956.467.024
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	805.242.000	2.126.212.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao	7.279.292.027	-
Phải thu khách hàng khác	30.000.000	30.000.000
Tổng	14.394.237.320	8.535.915.293

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Kim 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	754.457.577	-	1.018.638.062	-
Tạm ứng	164.691.569	-	289.558.580	-
Ký cược ký quỹ	149.766.008	-	149.766.008	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng Tân Kỳ Tân Quý	390.000.000	-	390.000.000	-
Phải thu khác	50.000.000	-	189.313.474	-
b) Dài hạn	-	-	9.570.048	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	9.570.048	-
Tổng	754.457.577	-	1.028.208.110	-

*Trong đó: Số dư phải thu khác với bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh 7.2)*

50.000.000

-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Kim 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Nợ xấu

Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viên Đông

Tổng

Trong đó:

Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viên Đông

5.6 Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Công cụ, dụng cụ

Tổng

31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
1.423.236.269	-	-	-
1.423.236.269	-	-	-

Quá hạn 1-6 tháng	Quá hạn 6 - 1 năm	Quá hạn 1-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
-	-	-	1.423.236.269

31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
38.765.316	-	66.297.958	-
31.375.216	-	33.051.000	-
70.140.532	-	99.348.958	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Kim 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.017.119.998	2.759.517.799	2.556.794.978.281
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(585.000.000)	-	(585.000.000)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(585.000.000)	-	(585.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.525.067.059.360	17.951.281.124	10.432.119.998	2.759.517.799	2.556.209.978.281
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.260.575.914.614	12.017.620.636	8.764.047.050	1.813.814.252	1.283.171.396.552
Tăng trong năm	95.778.660.136	960.690.444	719.989.045	241.479.193	97.700.818.818
Khấu hao trong năm	95.778.660.136	960.690.444	719.989.045	241.479.193	97.700.818.818
Giảm trong năm	-	-	(567.387.097)	-	(567.387.097)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(567.387.097)	-	(567.387.097)
Số dư tại ngày 31/12/2023	1.356.354.574.750	12.978.311.080	8.916.648.998	2.055.293.445	1.380.304.828.273
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày ngày 01/01/2023	1.264.491.144.746	5.933.660.488	2.253.072.948	945.703.547	1.273.623.581.729
Tại ngày ngày 31/12/2023	1.168.712.484.610	4.972.970.044	1.515.471.000	704.224.354	1.175.905.150.008

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 798.067.469.514 VND (tại ngày 31/12/2022: 797.473.982.059 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 915.724.800 VND (tại ngày 31/12/2022 là: 915.724.800 VND).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM (i)	34.096.120.971	158.378.916.254
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)	11.286.878.860	8.569.069.751
Tổng	<u>45.382.999.831</u>	<u>166.947.986.005</u>

(i) Ngày 07/11/2023, Công ty và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ký kết Thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn Phụ lục hợp đồng BOT dự án xây dựng bổ sung cầu Tân Kỳ Tân Quý. Theo đó, trong năm 2023, Công ty được thanh toán đợt 01 (Chi phí đã thực hiện và chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng) với giá trị 134.109.884.488 đồng (chưa bao gồm VAT).

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	31.028.938.032	20.651.539.884
Tổng	<u>31.028.938.032</u>	<u>20.651.539.884</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Phải trả người bán

31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
-	-	1.635.420.589	1.635.420.589
-	-	860.827.066	860.827.066
645.208.653	645.208.653	645.208.653	645.208.653
602.956.900	602.956.900	516.189.083	516.189.083
584.962.560	584.962.560	584.962.560	584.962.560
1.001.091.829	1.001.091.829	1.902.459.108	1.902.459.108
2.834.219.942	2.834.219.942	6.145.067.059	6.145.067.059

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân

Công ty Cổ phần Công nghệ Biên bạc Miền Nam

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế công trình Quý đạo

Công ty TNHH Thu phí tự động VEIC

Công ty Cổ phần công nghệ Tiên Phong

Các đối tượng khác

Tổng

*Trong đó: Số dư phải trả người bán với bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh 7.2)*

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2023	
16.073.997.999	67.812.074.021	67.812.074.021	68.518.315.442	68.518.315.442	15.367.756.578	15.367.756.578	1.061.735.835
1.193.217.748	41.861.475.781	41.861.475.781	41.992.957.694	41.992.957.694	14.146.879.762	14.146.879.762	159.140.981
14.573.168.339	25.006.951.905	25.006.951.905	25.433.240.482	25.433.240.482	1.088.117.266	1.088.117.266	-
307.611.912	939.646.335	939.646.335	4.000.000	4.000.000	-	-	-
-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-

Phải nộp

Thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Đơn vị tính: VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	627.515.700	627.515.700
Cổ tức phải trả TCT IDICO - CTCP	-	14.345.790.000
Cổ tức phải trả America LLC	-	2.285.100.000
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	735.846.130	9.309.690.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	135.948.922	139.062.805
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>14.674.955</i>	<i>63.627.724</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>121.273.967</i>	<i>75.435.081</i>
Tổng	1.499.310.752	26.707.158.805
<i>Số dư phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)</i>	-	<i>14.345.790.000</i>

5.14 Dự phòng phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn	45.073.245.770	1.785.597.400
Chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các hạng mục (i)	45.073.245.770	1.785.597.400
b) Dài hạn	255.506.524.971	246.907.182.601
Chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các hạng mục (i)	255.506.524.971	246.907.182.601
Tổng	300.579.770.741	248.692.780.001

(i) Đây là khoản dự phòng phải trả căn cứ vào các phụ lục Hợp đồng BOT thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc theo Phương án tài chính về việc dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	40.000.000.000	175.805.985.323	135.805.985.323	135.805.985.323
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	40.000.000.000	175.805.985.323	135.805.985.323	135.805.985.323
- Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	8.952.000.000	8.952.000.000	8.952.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (i)	-	-	40.000.000.000	80.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (ii)	-	-	-	86.853.985.323	86.853.985.323	86.853.985.323
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iii)	-	-	-	40.000.000.000	627.180.216.383	627.180.216.383
Vay dài hạn	587.180.216.383	587.180.216.383	-	40.000.000.000	627.180.216.383	627.180.216.383
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	587.180.216.383	587.180.216.383	-	40.000.000.000	627.180.216.383	627.180.216.383
- Chi nhánh Đồng Nai	225.498.797.625	225.498.797.625	-	-	225.498.797.625	225.498.797.625
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (i)	361.681.418.758	361.681.418.758	-	40.000.000.000	401.681.418.758	401.681.418.758
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (ii)	587.180.216.383	587.180.216.383	40.000.000.000	215.805.985.323	762.986.201.706	762.986.201.706
Tổng						

(i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/ Hương lộ 2 (giai đoạn 3) thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc. Thời hạn cho vay là 174 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân cộng 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHD-B.O.T ngày 22/09/2014.



Handwritten signature and date: 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1- đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay **180 tháng**. Lãi suất cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + 3,3% /năm. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông – An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

(iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suông – An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay **132 tháng**. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn **12 tháng, trả lãi cuối kỳ** do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân cộng biên độ **3,5%/ năm**.. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông – An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Tổng
			sau thuế chưa phân phối	
Số dư tại ngày 01/01/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Tăng trong năm	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Lãi trong năm trước	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Giảm trong năm	-	-	(70.943.334.474)	(70.943.334.474)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.085.574.474)	(1.085.574.474)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(44.908.560.000)	(44.908.560.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (i)	-	-	(24.949.200.000)	(24.949.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Số dư tại ngày 01/01/2023	249.492.000.000	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Tăng trong năm	-	-	57.320.795.701	57.320.795.701
Lãi trong năm nay	-	-	57.320.795.701	57.320.795.701
Giảm trong năm	-	-	(21.617.825.463)	(21.617.825.463)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	(1.658.465.463)	(1.658.465.463)
Chia cổ tức năm 2022 (ii)	-	-	(19.959.360.000)	(19.959.360.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	249.492.000.000	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Công ty đã tạm ứng cổ tức 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 28/9/2022 của Hội đồng Quản trị với giá trị tương ứng là 24.949.200.000 VND, ngày đăng ký cuối cùng là 16/12/2022, thời gian chi tạm ứng kể từ ngày 16/01/2023 theo Thông báo số 1822/TB-SGDCKHCM ngày 05/10/2022.

(ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 1.658.465.463 VND.

- Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền 18% trên vốn điều lệ với số tiền là 44.908.560.000 VND (đã tạm ứng 10% năm 2022 với số tiền 24.949.200.000 VND). Theo nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 12/5/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022 (đợt 2) với tỷ lệ 8% còn lại với số tiền 19.959.360.000 VND, ngày chốt đăng ký cuối cùng là ngày 05/6/2023 và ngày thực hiện chi trả là ngày 22/6/2023.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	57,50%	14.345.790	143.457.900.000	57,50%	14.345.790	143.457.900.000
Vốn góp của cổ đồng khác	42,50%	10.603.410	106.034.100.000	42,50%	10.603.410	106.034.100.000
Tổng	100%	24.949.200	249.492.000.000	100%	24.949.200	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.959.360.000	69.857.760.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
Tổng	164.586.458.199	164.586.458.199

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trương Bá Tòng	325.977.668	325.977.668
Ngô Văn Quang	116.574.900	116.574.900
Lê Hùng Cường	70.000.000	70.000.000
Lê Thị Thoa	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH TVĐTXD Năng lượng Thái Bình Dương	30.000.000	30.000.000
Phạm Thị Một	29.591.360	29.591.360
Trịnh Thị Hôn	27.269.760	27.269.760
Các đối tượng khác	85.014.473	85.014.473
Tổng	744.428.161	744.428.161

Công ty đã xử lý khoản nợ dự phòng phải thu khó đòi theo Báo cáo cáo tổng hợp và xử lý kết quả kiểm kê theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng kiểm kê.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu thu cước đường bộ	440.280.839.733	421.233.794.319
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	2.011.692.614
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.000.000	-
Tổng	440.346.839.733	423.245.486.933

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn thu cước đường bộ	250.826.288.914	231.993.827.600
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	1.889.146.535
Tổng	250.826.288.914	233.882.974.135

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.923.600.636	707.604.193
Tổng	2.923.600.636	707.604.193

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	77.278.422.391	77.831.256.437
Tổng	77.278.422.391	77.831.256.437

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	26.470.023.655	25.910.714.138
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	377.311.961	1.078.492.967
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	91.720.017
Chi phí khấu hao TSCĐ	487.034.284	1.400.798.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.161.983.281	7.958.200.498
Chi phí bằng tiền khác	343.688.965	493.083.489
Tổng	36.840.042.146	36.933.009.670

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	754.216.144	1.182.777.845
Chi phí vật liệu quản lý	123.472.681	164.162.486
Chi phí đồ dùng văn phòng	24.081.818	94.588.889
Chi phí khấu hao TSCĐ	411.856.558	412.749.456
Thuế phí và lệ phí	190.860.065	252.696.647
Chi phí dự phòng	1.423.236.269	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.514.352.285	1.754.620.584
Chi phí bằng tiền khác	2.191.808.302	2.545.394.494
Tổng	6.633.884.122	6.406.990.401

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý Tài sản cố định	255.585.750	106.308.000
Các khoản khác	127.258.808	244.459.137
Tổng	382.844.558	350.767.137
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	111.311.532	-
Các khoản khác	12.986.364	13.400.000
Tổng	124.297.896	13.400.000
Lợi nhuận khác thuần	258.546.662	337.367.137

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.437.217.634	8.151.945.259
Chi phí nhân công	49.154.519.829	48.808.492.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.700.818.818	90.967.927.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.125.974.791	65.604.900.435
Chi phí khác bằng tiền	58.881.684.110	63.689.708.230
Tổng	294.300.215.182	277.222.974.206

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	71.950.349.458	69.236.227.620
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	52.783.302.270	55.313.339.222
Trích trước chi phí duy tu sửa chữa (a)	51.886.990.740	54.779.339.228
Chi phí không được trừ	896.311.530	533.999.994
2. Thu nhập tính thuế	124.733.651.728	124.549.566.842
2.1 Thu nhập từ hoạt động khác	66.000.000	122.546.079
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	13.200.000	24.509.216
2.2 Thu nhập hoạt động thu phí	124.667.651.728	124.427.020.763
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	24.933.530.345	24.885.404.153
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	24.946.730.345	24.909.913.369
4. Thuế TNDN theo QĐ 835/QĐ-CT ngày 14/04/2023	60.221.560	-
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.006.951.905	24.909.913.369

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.320.795.701	55.282.182.097
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(1.658.465.463)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.320.795.701	53.623.716.634
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (ii)	2.298	2.149

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

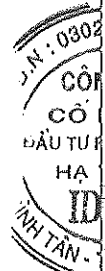
(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.282.182.097	55.282.182.097	-
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.658.465.463)	(1.658.465.463)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.282.182.097	53.623.716.634	(1.658.465.463)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.949.200	24.949.200	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.216	2.149	(66)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCON
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	162.444.444	105.000.001
Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	127.555.555	70.999.999
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	105.333.332	70.999.999
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	105.333.332	70.999.999
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	105.333.332	40.888.888
Ông Trần Quốc Toàn	Nguyên TV ĐL HĐQT	-	30.111.111
Tổng		605.999.995	388.999.997

b) Thù lao Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS - Người CBTT	720.922.222	635.998.714
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	71.222.223	53.999.999
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	71.222.223	53.999.999
Tổng		863.366.668	743.998.712

c) Thu nhập Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	800.000.000	783.755.426
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	716.444.444	647.199.026
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	672.000.000	648.998.714
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	694.222.222	637.705.979
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	684.444.444	614.595.215
Bà Trần Thị Hà	Người phụ trách quản trị Công ty	48.777.777	36.999.999
Tổng		3.615.888.887	3.369.254.359

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

d) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Giao dịch mua		1.386.104.543	-
IDICO - INCON	Giám sát thi công	1.386.104.543	-
Cổ tức đã chia		11.476.632.000	40.168.212.000
IDICO	Cổ tức đã chia	11.476.632.000	40.168.212.000

e) Số dư phải trả các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	50.000.000	-
IDICO - LINCO	50.000.000	-
Phải trả cho người bán	-	207.537.255
IDICO - INCON	-	207.537.255
Phải trả ngắn hạn khác	-	14.345.790.000
IDICO	-	14.345.790.000

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt